

Bộ câu hỏi trắc nghiệm Địa Lí 11 Bài 8 Liên Bang Nga phần 2

Câu 1. Nước có trữ lượng quặng sắt đứng đầu thế giới (năm 2004) là:

- A. LB Nga.
- B. Hoa Kỳ
- C. Ô-xtrây-li-a.
- D. Trung Quốc.

Câu 2. Nước có trữ lượng quặng kali đứng đầu thế giới (năm 2004) là:

- A. Trung Quốc.
- B. LB Nga.
- C. Bra-xin.
- D. Hoa Kỳ.

Câu 3. Diện tích rừng của Liên bang Nga đứng

- A. đầu thế giới.
- B. thứ hai thế giới
- C. thứ ba thế giới
- D. thứ tư thế giới.

Câu 4. Nước có diện tích rừng đứng đầu thế giới là:

- A. Trung Quốc.
- B. Hoa Kỳ.
- C. LB Nga.
- D. Bra-xin.

Câu 5. Diện tích rừng của Liên bang Nga đứng đầu thế giới chủ yếu là:

- A. rừng cận nhiệt ẩm.
- B. rừng lá kim.
- C. rừng lá rộng và rừng hỗn hợp.
- D. rừng và cây bụi lá cứng cận nhiệt.

Câu 6. Tổng trữ năng thủy điện của Liên bang Nga là:

- A. 210 triệu kW.
- B. 320 triệu kW.
- C. 430 triệu kW.
- D. 540 triệu kW.

Câu 7. Tổng trữ năng thủy điện của Liên bang Nga là 320 triệu kW, tập trung chủ yếu ở

- A. hệ thống sông Von-ga.
- B. hệ thống sông Ô-bi.
- C. vùng Xi-bia.
- D. vùng núi Ủ-ran.

Câu 8. Tổng trữ năng thủy điện của Liên bang Nga là 320 triệu kW, tập trung chủ yếu ở vùng Xi-bia trên các sông

- A. Ê-nít-xây, Ô-bi, Lê-na.
- B. Von-ga, Ê-nít-xây, Ô-bi.
- C. Ô-bi, Lê-na, Von-ga.
- D. Lê-na, Ê-nít-xây, Von-ga.

Câu 9. Các sông ở vùng Xi-bia của Liên bang Nga có trữ năng thủy điện lớn là:

- A. Ô-bi, Lê-na, Von-ga.
- B. Ê-nít-xây, Ô-bi, Lê-na.
- C. Lê-na, Ê-nít-xây, Von-ga.
- D. Von-ga, Ê-nít-xây, Ô-bi.

Câu 10. Sông lớn nhất trên đồng bằng Đông Âu của Liên bang Nga là:

- A. Lê-na
- B. Ê-nít-xây
- C. Ô-bi
- D. Von-ga

Câu 11. Sông lớn nhất trên đồng bằng Đông Âu và được coi là một trong những biểu tượng của nước Nga là:

- A. Ô-bi.
- B. Von-ga.
- C. Ê-nít-xây.
- D. Lê-na.

Câu 12. Von-ga là sông lớn nhất trên

- A. đồng bằng Tây Xi-bia.
- B. đồng bằng Đông Âu.
- C. vùng núi Đông Xi-bia.
- D. vùng cao nguyên Trung Xi-bia.

Câu 13. Con sông nào sau đây được coi là một trong những biểu tượng của nước Nga?

- A. Sông Ê-nít-xây.
- B. Sông Ôi.
- C. Sông Lê-na.

D. Sông Von-ga.

Câu 14. **Hồ nước ngọt sâu nhất thế giới nằm trên lãnh thổ của Liên bang Nga là:**

- A. Ban-khat.
- B. Bai-can.
- C. Gấu Lớn.
- D. A-ran.

Câu 15. **Bai-can là hồ nước ngọt sâu**

- A. nhất thế giới.
- B. thứ nhì thế giới.
- C. thứ ba thế giới
- D. thứ tư thế giới.

Câu 16. **Ý nào sau đây không đúng với tài nguyên rừng của LB Nga?**

- A. Có diện tích rừng đứng đầu thế giới.
- B. Rừng có thể khai thác là 764 triệu ha.
- C. Rừng phân bố đều khắp lãnh thổ LB Nga.
- D. Chủ yếu là rừng lá kim.

Câu 17. **Phát biểu nào sau đây đúng với tài nguyên rừng của LB Nga?**

- A. Chủ yếu là rừng lá kim.
- B. Rừng phân bố đều khắp lãnh thổ LB Nga.
- C. Rừng có thể khai thác là 886 triệu ha.
- D. Có diện tích rừng đứng thứ hai thế giới, sau Ca-na-đa.

Câu 18. **Phần lớn lãnh thổ Liên bang Nga nằm trong vành đai khí hậu**

- A. Cận nhiệt
- B. ôn đới
- C. cực đới
- D. cận cực

Câu 19. **Hơn bao nhiêu phần trăm diện tích lãnh thổ Liên bang Nga nằm ở vành đai khí hậu ôn đới?**

- A. 60%.
- B. 70%.
- C. 80%.
- D. 90%.

Câu 20. **Hơn 80% lãnh thổ Liên bang Nga nằm trong vành đai khí hậu**

- A. ôn đới.

- B. cận nhiệt.
- C. cận cực.
- D. cực đới.

Câu 21. Hơn 80% lãnh thổ nước nào sau đây nằm trong vành đai khí hậu ôn đới?

- A. LB Nga.
- B. Trung Quốc.
- C. Ô-xtrây-li-a.
- D. Ấn Độ.

Câu 22. Trong phần lãnh thổ của Liên bang Nga nằm trong vành đai khí hậu ôn đới (hơn 80%), phần phía tây có khí hậu

- A. khắc nghiệt hơn phần phía đông.
- B. ôn hòa hơn phần phía đông.
- C. lạnh lẽo, khắc nghiệt hơn phần phía đông.
- D. rất lạnh, tuyết rơi nhiều hơn phần phía đông.

Câu 23. Trong vành đai khí hậu ôn đới của Liên bang Nga (hơn 80% lãnh thổ), phần nào có khí hậu ôn hòa hơn phần nào?

- A. Phần phía tây có khí hậu ôn hòa hơn phần phía đông.
- B. Phần phía đông có khí hậu ôn hòa hơn phần phía tây.
- C. Phần phía đông bắc có khí hậu ôn hòa hơn phần phía tây nam.
- D. Phần phía đông nam có khí hậu ôn hòa hơn phần phía tây bắc.

Câu 24. Phần phía bắc của Liên bang Nga có khí hậu

- A. Cực đới
- B. cận cực lạnh giá
- C. ôn đới hải dương
- D. cận nhiệt đới

Câu 25. Chỉ bao nhiêu phần trăm diện tích lãnh thổ của Liên bang Nga có khí hậu cận nhiệt?

- A. 2%
- B. 4%
- C. 6%
- D. 8%

Câu 26. 4% diện tích lãnh thổ của Liên bang Nga có khí hậu

- A. nhiệt đới.
- B. cận nhiệt.
- C. ôn đới.

D. cận cực.

Câu 27. Ý nào sau đây không phải khó khăn về điều kiện tự nhiên của LB Nga?

- A. Núi và cao nguyên chiếm diện tích lớn.
- B. Nhiều vùng băng giá hoặc khô hạn.
- C. Hơn 80% lãnh thổ nằm trong vành đai khí hậu ôn đới.
- D. Tài nguyên phân bố chủ yếu ở vùng núi hoặc vùng lạnh giá

Câu 28. Ý nào sau đây không đúng với điều kiện tự nhiên của LB Nga?

- A. Khoáng sản đa dạng, phong phú.
- B. Bai-can là hồ nước ngọt sâu nhất thế giới.
- C. Hơn 80% lãnh thổ nằm trong vành đai khí hậu ôn đới.
- D. Trữ lượng thủy điện tập trung chủ yếu ở sông Von-ga.

Câu 29. Liên bang Nga là nước đông dân đứng hàng thứ mấy trên thế giới (năm 2005)?

- A. Thứ sáu
- B. Thứ bảy
- C. Thứ tám
- D. Thứ chín

Câu 30. Nước có số dân đứng thứ tám trên thế giới (năm 2005) là:

- A. In-đô-nê-xi-a.
- B. Bra-xin.
- C. Nhật Bản.
- D. LB Nga.

Câu 31. Số dân Liên bang Nga giảm là do

- A. tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của Liên bang Nga thấp so với mức trung bình của thế giới
- B. những năm gần đây số người nhập cư trở về nước cùng với số người đi cư ra nước ngày một nhiều hơn.
- C. tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên ngang mức trung bình của thế giới và gần đây số người nhập cư ít hơn số người xuất cư.
- D. tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên có chỉ số âm và từ thập niên 90 của thế kỉ XX nhiều người Nga đã di cư ra nước ngoài.

Câu 32. Liên bang Nga có hơn bao nhiêu dân tộc?

- A. 80
- B. 90
- C. 100
- D. 110

Câu 33. Người Nga chiếm bao nhiêu phần trăm dân số của LB Nga?

- A. 60%.
- B. 70%.
- C. 80%.
- D. 90%

Câu 34. **80% dân số của Liên bang Nga là:**

- A. người Tác-ta.
- B. người Chu-vát.
- C. người Bát-xkia.
- D. người Nga.

Câu 35. **Dân tộc có số dân đông nhất ở Liên bang Nga là:**

- A. người Bát-xkia.
- B. người Tác-ta.
- C. người Nga.
- D. người Chu-vát.

Câu 36. **Năm 2005, mật độ dân số trung bình của LB Nga là:**

- A. 8,4 người/ km².
- B. 9,5 người/ km².
- C. 10,6 người/km².
- D. 11,7 người/ km².

Câu 37. **8,4 người/ km² (năm 2005) là mật độ dân số trung bình của nước nào sau đây?**

- A. Trung Quốc.
- B. Nhật Bản.
- C. Hoa Kỳ.
- D. LB Nga.

Câu 38. **Trên bao nhiêu phần trăm dân số Liên bang Nga sống ở thành phố (năm 2005)?**

- A. 70%.
- B. 75%
- C. 80%.
- D. 85%.

Câu 39. **Trên 70% dân số Liên bang Nga sống ở thành phố (năm 2005), chủ yếu là ở các thành phố**

- A. lớn và rất lớn.
- B. trung bình và lớn.

- C. trung bình, lớn và rất lớn.
- D. nhỏ, trung bình và thành phố vệ tinh.

Câu 40. Ý nào sau đây không đúng với dân cư của Liên bang Nga (năm 2005)?

- A. Là nước đông dân.
- B. Liên bang Nga có hơn 100 dân tộc.
- C. Tỷ suất gia tăng dân số tự nhiên âm.
- D. Trên 80% dân số sống ở thành phố.

Câu 41. Nhận định nào sau đây không đúng với đặc điểm dân cư, xã hội của Liên bang Nga (năm 2005)?

- A. Trên 70% dân số sống ở thành phố.
- B. Tỷ lệ biết chữ 99%.
- C. Mật độ dân số trung bình là 84 người/km².
- D. Đứng hàng đầu thế giới về các ngành khoa học cơ bản.

Câu 42. Các nhà bác học nổi tiếng thế giới ở Liên bang Nga là

- A. M.V. Lô-mô-nô-xốp, Đ.I. Men-đê-lê-ép.
- B. A.X. Pu-skin, X. Kô-rô-lốp.
- C. P. Trai-cốp-ski, M.A. Sô-lô-khốp.
- D. I. Men-đê-lê-ép, P. Trai-cốp-ski.

Câu 43. Loại khoáng sản có trữ lượng đứng đầu thế giới của Liên bang Nga (năm 2004) không phải là:

- A. Khí tự nhiên
- B. quặng kali
- C. quặng sắt
- D. than đá

Câu 44. Loại khoáng sản có trữ lượng đứng thứ ba trên thế giới của Liên bang Nga (năm 2004) là:

- A. than đá.
- B. quặng sắt.
- C. khí tự nhiên.
- D. Dầu mỏ.

Câu 45. Sản phẩm nào sau đây mà Liên bang Nga chiếm tỉ trọng lớn nhất trong Liên Xô vào cuối thập niên 80 của thế kỉ XX?

- A. Dầu mỏ
- B. Điện
- C. Gỗ, giấy và xenlulo

D. Lương thực

Câu 46. Ý nào sau đây không đúng với nước Nga sau khi Liên Xô tan rã (cuối năm 1991 trở đi)?

- A. Tốc độ tăng trưởng GDP âm.
- B. Sản lượng các ngành kinh tế giảm.
- C. Đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn.
- D. Tình hình chính trị, xã hội ổn định.

Câu 47. Ý nào sau đây không thuộc chiến lược kinh tế mới từ năm 2000 của LB Nga?

- A. Tiếp tục xây dựng nền kinh tế thị trường.
- B. Mở rộng ngoại giao, coi trọng châu Á.
- C. Đưa nền kinh tế từng bước thoát khỏi khủng hoảng.
- D. Đẩy mạnh khai thác các vùng đất còn hoang hóa

Câu 48. Dự trữ ngoại tệ của Liên bang Nga lớn thứ mấy thế giới (năm 2005)?

- A. Thứ hai
- B. Thứ ba
- C. Thứ tư
- D. Thứ năm

Câu 49. Ý nào sau đây không đúng với thành tựu đạt được sau năm 2000 của LB Nga?

- A. Sản lượng các ngành kinh tế tăng.
- B. Giá trị nhập siêu ngày càng tăng.
- C. Dự trữ ngoại tệ đứng thứ tư thế giới (năm 2008).
- D. Đã thanh toán xong các khoản nợ nước ngoài từ thời Xô viết.

Câu 50. Ngành xương sống của nền kinh tế Liên bang Nga là:

- A. Nông nghiệp
- B. công nghiệp
- C. dịch vụ
- D. khai thác dầu khí

Câu 51. Ngành công nghiệp nào sau đây là ngành mũi nhọn của nền kinh tế, hằng năm mang lại nguồn tài chính lớn cho LB Nga?

- A. Công nghiệp khai thác dầu khí.
- B. Công nghiệp khai thác vàng.
- C. Công nghiệp chế tạo máy.
- D. Công nghiệp luyện kim.

Câu 52. Năm 2006, Liên bang Nga đứng đầu thế giới về sản lượng

- A. khai thác vàng và kim cương.
- B. khai thác dầu mỏ và khí tự nhiên.
- C. điện, thép, than.
- D. ô tô các loại, điện tử, viễn thông.

Câu 53. Nước đứng đầu thế giới về khai thác dầu mỏ và khí tự nhiên năm 2006 là:

- A. Iran
- B. Ả-rập Xê-út
- C. Hoa Kỳ
- D. LB Nga

Câu 54. Ngành công nghiệp truyền thống của Liên bang Nga không phải là

- A. điện tử - tin học, hàng không.
- B. khai thác gỗ và sản xuất giấy, bột xenlulô.
- C. năng lượng, chế tạo máy, luyện kim đen.
- D. luyện kim màu, khai thác vàng và kim cương

Câu 55. Sản phẩm công nghiệp nào của Liên bang Nga có sản lượng 470 triệu tấn (năm 2005)?

- A. Than
- B. Dầu mỏ
- C. Giấy
- D. Thép

Câu 56. Sản phẩm công nghiệp của Liên bang Nga có sản lượng 298,3 triệu tấn (năm 2005) là:

- A. dầu mỏ.
- B. giấy.
- C. thép.
- D. than.

Câu 57. Sản phẩm công nghiệp của Liên bang Nga có sản lượng 7,5 triệu tấn (năm 2005) là:

- A. giấy.
- B. thép.
- C. than.
- D. dầu mỏ.

Câu 58. Sản phẩm công nghiệp của Liên bang Nga có sản lượng 66,3 triệu tấn (năm 2005) là:

- A. thép.

- B. giấy.
- C. dầu mỏ.
- D. than.

Câu 59. Các trung tâm công nghiệp của Liên bang Nga phần lớn tập trung ở

- A. dọc tất cả các tuyến giao thông.
- B. đồng bằng Đông Âu, Tây Xi-bia, U-ran.
- C. nơi có nguồn nguyên liệu khoáng sản.
- D. cao nguyên Trung Xi-bia và vùng Viễn Đông.

Câu 60. Hiện nay, Liên bang Nga tập trung phát triển các ngành công nghiệp hiện đại nào?

- A. Hóa chất, chế biến gỗ, sản xuất giấy.
- B. Điện tử - tin học, hàng không.
- C. Luyện kim, chế tạo máy bay, sản xuất ô tô.
- D. Luyện kim màu, khai thác vàng và kim cương.

Câu 61. Nơi tập trung các trung tâm công nghiệp của Liên bang Nga không phải là:

- A. Tây Xi-bia.
- B. U-ran.
- C. đồng bằng Đông Âu.
- D. cao nguyên Trung Xi-bia.

Câu 62. Ngành công nghiệp nào sau đây là thế mạnh của Liên bang Nga hiện nay?

- A. Khai thác vàng, kim cương.
- B. Luyện kim màu.
- C. Chế tạo máy.
- D. Quốc phòng.

Câu 63. Quỹ đất nông nghiệp của Liên bang Nga là:

- A. 100 triệu ha.
- B. 200 triệu ha.
- C. 300 triệu ha.
- D. 400 triệu ha.

Câu 64. Năm 2005, sản lượng lương thực của Liên bang Nga đạt

- A. 67,1 triệu tấn.
- B. 78,2 triệu tấn.
- C. 89,3 triệu tấn.
- D. 90,4 triệu tấn.

Câu 65. Sản lượng lương thực xuất khẩu của Liên bang Nga năm 2005 trên

- A. 10 triệu tấn.
- B. 20 triệu tấn.
- C. 30 triệu tấn.
- D. 40 triệu tấn.

Câu 66. Nước nào sau đây sản xuất lương thực đạt 78,2 triệu tấn và xuất khẩu trên 10 triệu tấn (năm 2005)?

- A. Trung Quốc.
- B. Hoa Kỳ.
- C. Ô-xtrây-li-a.
- D. LB Nga.

Câu 67. Ý nào sau đây không đúng với nông nghiệp của LB Nga?

- A. Quỹ đất nông nghiệp lớn (200 triệu ha).
- B. Sản lượng lương thực đạt 78,2 triệu tấn (năm 2005).
- C. Cây lương thực được trồng chủ yếu ở đồng bằng Tây Xi-bia.
- D. Sản lượng một số cây công nghiệp (hướng dương, củ cải đường), cây ăn quả, chăn nuôi, đánh bắt cá nhìn chung đều có sự tăng trưởng.

Câu 68. Hệ thống đường nào ở Liên bang Nga đóng vai trò quan trọng để phát triển vùng Đông Xi-bia giàu có?

- A. Đường hàng không.
- B. Đường ô tô, xe điện ngầm.
- C. Đường thủy nội địa.
- D. Đường sắt xuyên Xi-bia và đường sắt BAM.

Câu 69. Thủ đô Mát-xcơ-va nổi tiếng thế giới về hệ thống giao thông

- A. đường sắt cao tốc.
- B. đường bộ (ô tô) siêu tốc.
- C. đường hàng không.
- D. đường xe điện ngầm.

Câu 70. Tổng kim ngạch ngoại thương của Liên bang Nga

- A. giảm, là nước nhập siêu.
- B. tăng, là nước xuất siêu.
- C. tăng, là nước nhập siêu.
- D. giảm, là nước xuất siêu.

Câu 71. Hai trung tâm dịch vụ lớn nhất nước Nga là:

- A. Nô-vô-xi-biéc, Ma-ga-đan.

- B. Man-hi-tơ-goóc, Nô-vô-xi-biéc.
- C. Xanh Pê-téc-bua, Mát-xcơ-va.
- D. Mát-xcơ-va, Nô-vô-xi-biéc.

Câu 72. Thủ đô Mát-xcơ-va nằm trong vùng kinh tế nào?

- A. Vùng Trung ương.
- B. Vùng Trung tâm đất đen.
- C. Vùng U-ran.
- D. Vùng Viễn Đông.

Câu 73. Vùng kinh tế lâu đời, phát triển nhất ở Liên bang Nga là:

- A. vùng Viễn Đông.
- B. vùng Trung tâm đất đen.
- C. vùng U-ran.
- D. vùng Trung ương.

Câu 74. Vùng Trung ương của Liên bang Nga có đặc điểm là:

- A. có đai đất đen phì nhiêu.
- B. kinh tế chậm phát triển.
- C. tập trung ít ngành công nghiệp.
- D. sản lượng lương thực, thực phẩm lớn.

Câu 75. Trung tâm kinh tế, chính trị, khoa học, du lịch của vùng Trung ương và cả nước Liên bang Nga là:

- A. Ma-ga-đan.
- B. Man-hi-tơ-goóc.
- C. Mát-xcơ-va.
- D. Nô-vô-xi-biéc.

Câu 76. Mát-xcơ-va là trung tâm kinh tế, chính trị, khoa học, du lịch của vùng

- A. U-ran.
- B. Viễn Đông.
- C. Trung tâm đất đen.
- D. Trung ương.

Câu 77. Phát triển công nghiệp khai thác khoáng sản, khai thác gỗ, đóng tàu, cơ khí, đánh bắt và chế biến hải sản là đặc điểm nổi bật của vùng kinh tế nào ở LB Nga?

- A. Vùng Trung ương.
- B. Vùng Viễn Đông.
- C. Vùng -ran.
- D. Vùng Trung tâm đất đen.

Câu 78. Giàu tài nguyên; công nghiệp phát triển (khai thác kim loại màu, luyện kim, cơ khí, hóa chất,...); nông nghiệp còn hạn chế là đặc điểm nổi bật của vùng kinh tế nào ở LB Nga?

- A. Vùng Trung ương.
- B. Vùng Trung tâm đất đen.
- C. Vùng U-ran.
- D. Vùng Viễn Đông.

**ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM ĐỊA LÍ 11 BÀI 8: LIÊN BANG NGA (CÓ ĐÁP ÁN)
PHẦN 2**

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
Câu 1	A	Câu 40	D
Câu 2	B	Câu 41	C
Câu 3	A	Câu 42	A
Câu 4	C	Câu 43	D
Câu 5	B	Câu 44	A
Câu 6	B	Câu 45	C
Câu 7	C	Câu 46	D
Câu 8	A	Câu 47	D
Câu 9	B	Câu 48	C
Câu 10	D	Câu 49	B
Câu 11	B	Câu 50	B
Câu 12	B	Câu 51	A
Câu 13	D	Câu 52	B
Câu 14	B	Câu 53	D
Câu 15	A	Câu 54	A
Câu 16	C	Câu 55	B

Câu 17	A	Câu 56	D
Câu 18	B	Câu 57	A
Câu 19	C	Câu 58	A
Câu 20	A	Câu 59	B
Câu 21	A	Câu 60	B
Câu 22	B	Câu 61	D
Câu 23	A	Câu 62	D
Câu 24	B	Câu 63	B
Câu 25	B	Câu 64	B
Câu 26	B	Câu 65	A
Câu 27	C	Câu 66	D
Câu 28	D	Câu 67	C
Câu 29	C	Câu 68	D
Câu 30	D	Câu 69	D
Câu 31	D	Câu 70	B
Câu 32	C	Câu 71	C
Câu 33	C	Câu 72	A
Câu 34	D	Câu 73	D
Câu 35	C	Câu 74	D
Câu 36	A	Câu 75	C
Câu 37	D	Câu 76	D
Câu 38	A	Câu 77	B
Câu 39	D	Câu 78	C